

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH:PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGÔ THỊ THANH TRÚC**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/03/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 135 B2 đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Số 135 B2 đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại di động: 0949438991; E-mail: nttruc@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/2002 đến tháng 3/2004: Tập sự nghiên cứu viên, Bộ môn Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng, trường Đại học Cần Thơ

- Từ tháng 4/2004 đến tháng 01/2012: Giảng viên, Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

- Từ tháng 6/2007 đến tháng 5/2011: Học tiến sĩ ở Philippines

- Từ tháng 01/2013 đến tháng 03/2015: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).

- Từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2018: Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).
- Từ tháng 4/2018 đến tháng 5/2018: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).
- Từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2021: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2017 – 2022).
- Từ tháng 7/2021 đến 11/2022: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2020 – 2025).
- Từ tháng 12/2022 đến nay: Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2020 – 2025).

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh tế tài nguyên môi trường, Trường Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 02923 838831

Điện thoại di động: 0949438991; E-mail: nttruc@ctu.edu.vn

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 09 năm 2001; số văn bằng: B305947; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Ngoại thương; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 04 năm 2006; số văn bằng: A020168; ngành: Khoa học môi trường; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Cần Thơ

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 04 năm 2011; văn bằng:; ngành: Khoa học môi trường; chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng TS: Đại học Philippines Los Baños, Philippines.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1) **Kinh tế nông nghiệp**: Phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả tài chính đánh giá tác động kinh tế, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng tài nguyên và tiêu dùng, là cơ sở đề xuất chính sách hướng tới sản xuất, sử dụng tài nguyên và tiêu dùng hiệu quả và bền vững.

Hướng nghiên cứu 2) **Kinh tế tài nguyên môi trường và chính sách**: Phân tích và đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường. Tác động kinh tế tập trung vào ước tính giá trị kinh tế của tài nguyên môi trường, tài nguyên không có giá thị trường và ngoài ứng. Tác động xã hội tập trung phân tích mức độ chấp nhận của xã hội (người sử dụng và người tiêu dùng) thông qua thái độ, ý định và hành vi của họ trong việc lựa chọn sản xuất và tiêu dùng theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường. Tác động môi trường tập trung ước tính thay đổi về phát thải khí nhà kính, khí thải, nước thải hay chất thải khi thay đổi về sản xuất và tiêu dùng. Đây là cơ sở đề xuất chính sách tài nguyên môi trường theo hướng hiệu quả và bền vững.

Các nghiên cứu theo hai hướng nghiên cứu trên tập trung vào phân tích và đánh giá các nguồn tài nguyên chưa được sử dụng hiệu quả như rom, trấu, chất thải chăn nuôi heo, các kỹ thuật sản xuất vừa tăng hiệu quả sản xuất vừa đảm bảo an toàn cho môi trường và tài nguyên (IPM, VietGAP, các giải pháp nhằm giảm suy thoái môi trường và thích ứng với điều kiện môi trường cực đoan (hạn, xâm nhập mặn), hành vi sử dụng và quản lý chất thải trong sản xuất và tiêu dùng (giảm thải, phân loại chất thải tại nguồn, tái chế chất thải sinh hoạt,...).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 11 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + Chủ nhiệm 02 đề tài cấp sở sở Trường Đại học Cần Thơ;
 - + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ;
 - + Thành viên 01 đề tài cấp quốc gia thuộc chương trình Tây Nam Bộ
 - + Chủ nhiệm 02 đề tài quốc tế
 - + Thành viên 02 chương trình thuộc dự án nâng cấp trường Đại học Cần Thơ
- Đã công bố 32 bài báo khoa học, trong đó
 - + 05 bài báo khoa học đã công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín (WoS/ISI và Scopus) là tác giả chính;
 - + 14 bài báo khoa học tiếng Anh và 18 bài báo tiếng Việt;
 - + Tất cả các bài báo khoa học được công bố sau khi tốt nghiệp tiến sĩ.
- Đã xuất bản 6 chương sách tiếng Anh và 4 quyển sách chuyên khảo và tham khảo phục vụ đào tạo, trong đó
 - + 06 chương sách tiếng Anh, với 03 chương sách (thuộc 2 quyển sách) được xuất bản tại nhà xuất bản uy tín (Spinger)
 - + 04 quyển sách chuyên khảo và tham khảo là đồng tác giả được xuất bản tại nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

15. Khen thưởng:

Hình thức khen thưởng	Số quyết định và ngày ký
Tuyên dương cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác kiểm định chất lượng theo chuẩn AUN bậc đại học ngành Kinh tế nông nghiệp	531/KT, 18/11/2013
Vinh danh nữ viên chức là tiến sĩ trẻ	5564/QĐ-ĐHCT, 15/10/2014
Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2013-2014	2199/QĐ-ĐHCT, 01/07/2014

Hình thức khen thưởng	Số quyết định và ngày ký
Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2014-2015	2502/QĐ-ĐHCT, 13/07/2015
Danh hiệu Lao động Tiên tiến năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và 2021-2022	2503/QĐ-ĐHCT, 13/7/2015 3211/QĐ-ĐHCT, 16/08/2016 2756/QĐ-ĐHCT, 16/08/2017 3620/QĐ-ĐHCT, 22/08/2018 3454/QĐ-ĐHCT, 21/08/2019 2191/QĐ-ĐHCT, 21/08/2020 3859/QĐ-ĐHCT, 11/10/2021 2785/QĐ-ĐHCT, 5/08/2022

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên tự đánh giá bản thân như sau:

- Luôn có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng.
- Trong công việc, ứng viên luôn tâm huyết và nỗ lực với nghề nghiệp, giữ gìn danh dự, lương tâm và đạo đức nhà giáo.
- Luôn có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; đánh giá công bằng và đúng năng lực của người học; tôn trọng nhân cách, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học và đồng nghiệp.
- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của nhà trường và của ngành.
- Có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.
- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên và các nhiệm vụ khác được giao.
- Không đang trong thời gian bị kỷ luật.

Với những kết quả nêu trên, ứng viên tự đánh giá bản thân đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thâm niên đào tạo: 15 năm được tính từ khi được tuyển dụng vào ngạch giảng viên tháng 4/2004 đến tháng 6/2023 không bao gồm 04 năm đi học tiến sĩ ở nước ngoài (6/2007 – 5/2011). Thông tin về đào tạo đại học và sau đại học của 6 năm từ 2017-2018 đến 2022 – 2023 (ngày 30/6/2023) như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017 – 2018			3	10	270	235,6	505,6/755,6/230
2	2018 – 2019			1	10	259,5	87,8	347,3/597,3/230
3	2019 – 2020			3	10	201,3	175,6	376,9/626,9/230
03 năm học cuối								
4	2020 – 2021			1	10	315	90	559/809/238
5	2021 – 2022			2	10	255	45	374,9/624,9/238
6	2022 - 2023				10	255		264/514/238

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh tại Trường Đại học Philippines Los Baños tại Philippines năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác

3.2. Tiếng Anh: chứng chỉ C tiếng Anh do trường Đại học Cần Thơ cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Chung Khả Linh		X	X		08/2014-12/2016	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 5873/QĐ-ĐHCT ngày 30/12/2016

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
2	Nguyễn Hương Dương		X	X		08/2014- 07/2017	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 2397/QĐ- ĐHCT ngày 07/07/2017
3	Nguyễn Lê Kiều Diễm		X	X		12/2016- 10/2017	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3714/QĐ- ĐHCT ngày 10/10/2017
4	Huỳnh Văn Cường		X	X		07/2011- 10/2018	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4570/QĐ- ĐHCT ngày 16/10/2018
5	Dương Minh Toàn		X	X		09/2015- 10/2018	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4852/QĐ- ĐHCT ngày 24/10/2018
6	Đoàn Ngọc Trinh		X	X		12/2017- 10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4881/QĐ – ĐHCT ngày 18/10/2019
7	Lê Ngô Như Tuyền		X	X		09/2018- 10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4881/QĐ – ĐHCT ngày 18/10/2019
8	Triệu Ngọc Lợi		X	X		12/2018- 05/2020	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 1021/QĐ – ĐHCT ngày 25/05/2020
9	Nguyễn Thị Nhi		X	X		12/2017- 10/2020	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3711/QĐ – ĐHCT ngày 29/10/2022
10	Đoàn Trần Oanh Bảo		X	X		12/2018- 08/2021	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3286/QĐ – ĐHCT ngày 23/08/2021
11	Lê Đăng Khoa		X	X		12/2018- 08/2021	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3286/QĐ- ĐHCT ngày 23/08/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Ứng viên tham gia biên soạn 10 chương sách và sách tham khảo và chuyên khảo phục vụ đào tạo. Cụ thể:

- + 06 chương sách tiếng Anh, trong đó, 03 chương (TT 4, 6 và 7) là chương sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (Spinger), mà ứng viên là đồng tác giả,
- + 04 quyển sách tham khảo và chuyên khảo tiếng Việt do nhà xuất bản Đại học Cần Thơ xuất bản mà ứng viên là tác giả của quyển sách hay tác giả và đồng tác giả của chương sách.

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I							
Trước khi được công nhận TS							
1	Chương sách trong “Bases for Territory – based Rural Development in the Mekong Delta, Vietnam”	TK	Agricultural Publishing House, 2006 Mã số: 862009/CXB/466-02/NN	3	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 3. Identification about rural issues in the Mekong River Delta. Part A. The challenges. 3.3. Managing the natural heritage Trang 100-143	Giấy xác nhận số 1911/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
2	Chương sách trong “Based for small and medium sized enterprises and farming household development in the Mekong Delta”	TK	Vietnam Education Publishing House, 2008 Mã số: 8Z067C8-CNC	3	Tác giả chính chương sách	Tác giả chính Agricultural Development and Natural Resource Degradation: An Environmental Review. Trang 242-275 (02 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1912/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
3	Chương sách trong “Based for small and medium sized enterprises and farming household development in the Mekong Delta”	TK	Vietnam Education Publishing House, 2008 Mã số: 8Z067C8-CNC	4	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả A comparative study of “three reductions three gains” and popular rice production models in the Mekong Delta. Trang 493-529	Giấy xác nhận số 1912/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
II							
Sau khi được công nhận TS							
4	Chương sách trong Cost-Benefit Studies of Natural Resource Management	CK	Nhà xuất bản Spinger , 2015 ISBN: 978-981-287-392-7 (Print) 978-981-287-	3	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 8. Environmental Consequences of and Pollution Control Options for Pond “Tra” Fish Production in Thotnot District,	Giấy xác nhận số 1914/GXN-ĐHCT, 27/06/2022

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	in Southeast Asia		393-4 (Online)			Can Tho City, Vietnam. Trang 157-175 (02 lần trích dẫn)	
https://doi.org/10.1007/978-981-287-393-4_8							
5	Phát triển kinh tế Đồng Bằng Sông Cửu Long: Thành tựu và thách thức	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2016 ISBN: 978-604-965-919-638-6	3	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chương 9. Giá trị kinh tế của sản phẩm môi trường Trang 176-195	Giấy xác nhận số 998/GXN-ĐHCT, 23/03/2023
				3	Tác giả chính chương sách	Tác giả chính Chương 10. Định giá kinh tế các tác động môi trường và chính sách Trang 196-216	
6	Chương sách trong “Sustainable rice straw management”	CK	Nhà xuất bản Springer, 2020 ISBN. 978-3-030-32372-1	11	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 6. Rice-straw mushroom production. Trang 93-109 (26 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1915/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
						https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-32373-8_6 https://library.oapen.org/viewer/web/viewer.html?file=/bitstream/handle/20.500.12657/22844/1007317.pdf?sequence=1&isAllowed=y	
7	Chương sách trong “Sustainable rice straw management”	CK	Nhà xuất bản Springer, 2020 ISBN: 978-3-030-32372-1	10	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 11. Rice Straw Value Chains and Case Study on Straw Mushroom in Vietnam’s Mekong River Delta. Trang 175-192 (05 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 1916/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
						https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-32373-8_11	

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
https://library.oapen.org/viewer/web/viewer.html?file=/bitstream/handle/20.500.12657/22844/1007317.pdf?sequence=1&isAllowed=y							
8	Chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2020 ISBN: 978-604-965-397-1	13	Võ Thành Danh	<p>Đồng tác giả Chương 1, 2, 6, 8, 9 và Kết luận Trang 1 – 42, 113 – 159 và 182 – 230</p> <p>Chủ biên và tác giả chính của Chương 7. Chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long Trang 160 – 181</p>	Giấy xác nhận số 996/GXN-ĐHCT, 23/03/2023
III	Sau khi được công nhận tiến sĩ và 3 năm cuối (6/2021 – 6/2023)						
9	Môi trường và nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long: Phân tích kinh tế	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2021 ISBN: 978-604-965-601-1	13	Võ Thành Danh	<p>Tác giả chính Chương 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận áp dụng mô hình biogas – thực vật. Trang 66-83</p> <p>Đồng tác giả Chương 8. Hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa Trang 128-139</p>	Giấy xác nhận số 995/GXN-ĐHCT, 23/03/2023
10	Tác động của xâm nhập mặn đến các mô hình sử dụng đất vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	TK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2022 ISBN: 978-604-965-669-9	4	Lê Tấn Lợi	<p>Tác giả chính Chương 2. Chiến lược sinh kế thích ứng với xâm nhập mặn đến thu nhập hộ trồng măng cụt và lúa tại tỉnh Bến Tre. Trang 28-38</p> <p>Đồng tác giả</p>	Giấy xác nhận số 995/GXN-ĐHCT, 23/3/2023

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
						Chương 3. Phân tích hiệu quả kinh tế các hộ trồng lúa ở Bến Tre. Trang 39-47	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Ứng viên đã hoàn thành 06 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

- + 02 đề tài cấp sở sở Trường Đại học Cần Thơ (chủ nhiệm);
- + 01 đề tài cấp Bộ (chủ nhiệm)
- + 01 đề tài cấp quốc gia thuộc chương trình Tây Nam Bộ (thành viên)
- + 02 đề tài quốc tế (chủ nhiệm)

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Phân tích hiệu quả kinh tế các hình thức sử dụng trấu ở Đồng bằng sông Cửu Long	CN	T51/2015 Cấp cơ sở (ĐHCT)	2015-2016	- Hợp đồng 51T/QLKH2015 ngày 01/6/2016 - Nghiệm thu: QĐ 3567/QĐ-ĐHCT ngày 31/8/2016 - Biên bản họp nghiệm thu ngày 21/9/2016 Kết quả: Đạt
2	Phát triển nông nghiệp và vấn đề suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	CN	TCN2016-26 Cấp cơ sở (ĐHCT)	2016	- Quyết định phê duyệt và giao đề tài 896/QĐ-ĐHCT ngày 30/03/2016 - Nghiệm thu: QĐ 2145/QĐ-ĐHCT ngày 20/6/2016 - Biên bản họp nghiệm thu ngày 21/6/2016 - QĐ công nhận kết quả nghiên cứu: QQĐ 3568/QĐ-ĐHCT ngày 31/8/2016

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
					Kết quả: Tốt
3	Lồng ghép giới trong nghiên cứu phát triển bền vững chuỗi giá trị nhân Idor ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	CN	B2019-TCT-07 Cấp bộ	2019-2022	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng: số 08-ĐTĐB-2019 ngày 03/01/2019 - Nghiệm thu sản phẩm của đề tài: QĐ số 1619/QĐ-ĐHCT, 19/5/2022 - Biên bản họp nghiệm thu sản phẩm ngày 25/5/2022 - Nghiệm thu cơ sở: QĐ số 2024/QĐ – ĐHCT ngày 15/6/2022 - Biên bản họp nghiệm thu cơ sở ngày 20/6/2022 - Nghiệm thu cấp Bộ: QĐ số 2646/QĐ – ĐHCT ngày 22/9/2022 - Biên bản họp nghiệm thu cấp Bộ ngày 23/10/2022 Kết quả: Đạt
4	Cải thiện chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Thành viên	KHCN-TNB.ĐT/14-19/C09	2017-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng: số 03/2017/HĐ-KHCN ngày 03/03/2017 - Biên bản đánh giá kết quả ngày 31/5/2021 - Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện ngày 17/11/2021 - Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện ngày 29/12/2021 Kết quả: Đạt
5	Du lịch có đóng góp vào bảo tồn đa dạng sinh học và phúc lợi kinh tế cộng đồng tại vườn quốc gia Tràm Chim, Việt Nam không? (Does Tourism Contribute to the Biodiversity Conversation and Community Well-being	CN	DAKT062017 Cấp quốc tế	2015-2016	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng - Xác nhận hoàn thành đề tài của ICLARM - EEPSEA ngày 26/4/2017 - Xác nhận hoàn thành đề tài của trường Đại học Cần Thơ ngày 26/6/2022 Kết quả: Hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	in Tram Chim National Park, Vietnam?)				
6	Lồng ghép giới và phân tích chuỗi giá trị để phát triển sản xuất nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Tình huống ở huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (Including gender issues and value chain analysis to develop straw mushroom production in the Mekong Delta: Case study Vinh Loi district, Bac Lieu province)	CN	ASPHIL00618 NCKT Cấp quốc tế	2015-2016	- Hợp đồng - Xác nhận hoàn thành đề tài của IRRI ngày 03/11/2021 - Xác nhận hoàn thành đề tài của trường Đại học Cần Thơ ngày 26/6/2022 Kết quả: Hoàn thành
7	Nghiên cứu tính khả thi về kinh tế - xã hội của các giải pháp áp dụng giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động của biến đổi khí hậu (To study the socio – economic feasibility of the climate change and environment – related solutions)	Thành viên	E-10	2018-2021	- Hợp đồng: số 49/HĐ.VN14P6-NCKH.2018 ngày 31/10/2018 - Nghiệm thu chính thức: QĐ số 64/QĐ-PMU.VN14-P6 ngày 01/12/2021 - Biên bản họp nghiệm thu chính thức ngày 28/12/2021 Kết quả: Đạt
8	Nghiên cứu ổn định các hệ thống canh tác khác nhau trong bối cảnh xuất hiện các sự kiện thời tiết khắc nghiệt và hủy hoại môi trường (To study on the resilience of different farming systems in the context of extreme weather events and environmental degradation)	Thành viên	E-11	2018-2021	- Hợp đồng: số 50/HĐ.VN14P6-NCKH.2018 ngày 31/10/2018 - Nghiệm thu chính thức: QĐ số 73/QĐ-PMU.VN14-P6 ngày 01/12/2021 - Biên bản họp nghiệm thu chính thức ngày 30/12/2021 Kết quả: Đạt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Farmers' Awareness and Factors Affecting Adoption of Rapid Composting in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines	6	X	Journal of Environmental Science and Management ISSN 0119-1144	WoS (SCIE), IF=0,34, Scopus, Q4, SJR2012 = 0,124, H-index = 12	29	15, 2, 59-73	2012
https://www.researchgate.net/profile/Florencia-Palis/publication/285840162_Farmers'_Awareness_and_Factors_Affecting_Adoption_of_Rapid_Composting_in_Mekong_Delta_Vietnam_and_Central_Luzon_Philippines/links/576de90408ae10de6395d6c3/Farmers-Awareness-and-Factors-Affecting-Adoption-of-Rapid-Composting-in-Mekong-Delta-Vietnam-and-Central-Luzon-Philippines.pdf								
2	Methane generation from untreated rice straw used as ruminant feeds: A comparative assessment of methane emission from rice straw by different utilization methods	3	X	Proceeding of International Conference Agricultural Publishing House ISBN: 978-604-60-0055-6			Trang 590-596	2012
3	Farmers' Awareness and Factors Affecting Farmers' Acceptance to Grow Straw Mushroom in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines	4	X	International Journal of Environment and Rural Development Print ISSN: 2185-159X Online ISSN: 2433-3700		7	4, 2, 179-184	2013
http://iserd.net/ijerd42/IJERD42.pdf#page=184								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
4	Phân tích ảnh hưởng của tín dụng chính thức đến thu nhập của hộ nghèo ở tỉnh Hậu Giang	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phát triển kinh tế - xã hội Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2015 Tổ chức tại Trường Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-919-513-6			Trang 221-238	2015
5	Factors Affecting Householders' Acceptance to Adopt Reduce, Reuse and Recycle-3Rs Program in Domestic Waste Management in Mekong Delta, Vietnam	2	X	International Journal of Environmental and Rural Development Print ISSN: 2185-159X Online ISSN: 2433-3700		1	7, 2, 162-168	2016
http://www.iserd.net/wordpress/wp-content/uploads/2017/09/7-2-26.pdf https://www.jstage.jst.go.jp/article/ijerd/7/2/7_162/_pdf/-char/ja								
6	Factors Influencing the Adoption of Small-scale Biogas Digesters in Developing Countries – Empirical Evidence from Vietnam	4	X	International Business Research ISSN: 1913-9004, E-ISSN: 1913-9012	Google based IF = 1,41 H-index = 81	7	10, 2, 1-8	2017
https://www.academia.edu/download/71669793/12a36c9fcba33d4639082de63c982452338a.pdf								
7	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm rơm (<i>Volvariella Volvacea</i>) ngoài trời ở Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004		1	15, 1, 118-127	2017
http://www1.vnua.edu.vn/tapchi/Upload/1-2017/14.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
8	Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	2		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004		3	15, 8, 1115-1126	2017
http://www1.vnu.edu.vn/tapchi/upload/8-2017/14.pdf								
9	A social cost-benefit analysis of biogas technologies using rice straw and water hyacinths as feedstock	3		International Energy Journal ISSN:1513-718X	WoS (ESCI), IF = 1,03, Scopus, Q3, SJR2018 = 0,24	9	18, 4, 311-320	2018
http://www.rericjournal.ait.ac.th/index.php/eric/article/view/1825/687								
doi:10.5539/ibr.v10n2p1								
http://dx.doi.org/10.5539/ibr.v10n2p1								
10	Proposed program on improving domestic solid waste management through segregation of waste at source: An empirical research in Mekong Delta, Vietnam	2	X	The UHD-CTU-UEL International Economics and Business Conference 2018 ISSN: 2472-9329 (Print) and 2472-9310 (Online)			Trang 58-67	2018
https://scholar.google.com/citations?view_op=view_citation&hl=vi&user=mj6x3kEAAA-AJ&citation_for_view=mj6x3kEAAA-AJ:ufrVoPGSRksC								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11	Quantification of direct and indirect greenhouse gas emissions from rice field cultivation with different rice straw management practices–A study in the autumn-winter season in An Giang Province, Vietnam	6	X	Journal of Vietnamese Environment ISSN: 2193-6471			10, 1, 49-55	2018
https://journals.qucosa.de/jve/article/view/211/209								
12	Phát triển du lịch học tập của sinh viên tại Trung tâm Nông nghiệp Mùa xuân và Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			55, 1, 102-108	2019
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3516/303								
13	Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ cua biển ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo. ISSN: 0866 - 7120			15, 2-15	2019
https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-15-697-17709.html								
14	Phương pháp tiếp cận chuỗi cung ứng ngành hàng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long	2		Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			726, 155-158	2020
http://epaper.tapchitaichinh.vn/2020/2020TCTCK1T4/mobile/index.html								
15	Đề xuất cơ sở quy hoạch vùng trồng nấm rơm ở Đồng bằng sông Cửu Long.	8		Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp ISSN: 0866-7675			10, 1, 49-70	2021
http://websrv2.dthu.edu.vn/tckh/images/2021/Tap10So12021/51-72.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm rơm ở đồng bằng sông Cửu Long	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 – 2333			57, 2D, 211-219	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3874/3862								
III	Sau khi được công nhận tiến sĩ và 3 năm cuối (6/2021 – 6/2023)							
17	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình nuôi cua-tôm quảng canh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.	3		Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ISSN: 1859 – 4581			14, 105-112	2021
https://khoaktdl.vnkgu.edu.vn/admin/pages/public/files/nckh/1641980609.pdf								
18	Ảnh hưởng của chương trình VietGAP đến hiệu quả sản xuất của hộ trồng nhãn Idor ở đồng bằng sông Cửu Long	4	X	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ISSN: 1859 – 4581			15, 156-164	2021
https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKH/Attachments/326192/CVv201S152021156.pdf								
19	Lựa chọn mô hình sản xuất của hộ trồng lúa trong điều kiện xâm nhập mặn: trường hợp Cà Mau và Sóc Trăng.	6		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			57, 5D, 271-280	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4078/3999								
20	So sánh hiệu quả kỹ thuật mô hình nuôi cua - tôm ở tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	2		Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng ISSN: 1859-1531			19, 10, 20 – 24	2021
https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/7592								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
21	Ứng dụng mô hình đánh giá tổng hợp DPSIR trong nghiên cứu thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở đồng bằng sông Cửu Long.	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			57, 1, 108-120	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4133/4042								
22	Võ Thành Danh, Huỳnh Việt Khải, Ngô Thị Thanh Trúc , Võ Nguyễn Duy Khiêm và Võ Thành Toàn	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			8(129), 89-98	2021
https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2022-01/tc14-2021.pdf								
23	Farmers' behavior and intention to adopt integrated pest management in fruit: Case study in Vietnam	3	X	Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics (Sage Publisher) ISSN: 1815-8129 E-ISSN: 1815-1027	Scopus, Q4, SJR2022= 0,12, Citescore2022 = 0,2, H-index = 8		17, 11, 755-769	2021
https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/17/11/farmers-behavior-and-intention-to-adopt-integrated-pest-management-in-fruit-case-study-in-vietnam-61b6bdcc566b9.pdf								
24	Analysis of factors affecting the consumption intention of processed sea crabs in big cities in Vietnam	2		Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics (Sage Publisher) ISSN: 1815-8129	Scopus, Q4, SJR2022= 0,12, Citescore2022 = 0,2, H-index = 8		18, 1, 841-849.	2022
https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/18/01/analysis-of-factors-affecting-the-consumption-intention-of-processed-sea-crabs-in-big-cities-in-vietnam-61f22688bbca1.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30	The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data	2	X	Journal of Poverty Print ISSN: 1087-5549 Online ISSN: 1540-7608 (Taylor & Francis)	WoS (ESCI), IF=1,71, Scopus, Q2, SJR2021= 0,378		27(2), 153-165	2023
https://doi.org/10.1080/10875549.2021.2010870 . https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/10875549.2021.2010870?journalCode=wpov20								
31	Ảnh hưởng của chiến lược sinh kế ứng phó với xâm nhập mặn và kinh tế đến thu nhập hộ trồng măng cụt ở tỉnh Bến Tre	2	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 – 2333			59, 2, 221-229	2023
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4075/4418 DOI: 10.22144/ctu.jvn.2023.083								
32	Livelihood diversification and poverty in the saltwater intrusion area of the Mekong Delta, Vietnam	3		Proceeding of International Conference. Finance and Publishing House. ISBN: 978-604-79-3740-4			1476-1490	2023
https://khoa.hoc.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/khoa.hoc/h%E1%BB%99i%20th%E1%BA%A3o/qu%C3%B4c%20t%E1%BA%BF/2023/PROCEEDINGS%20NEU-KKU%202023.pdf								

- Ứng viên công bố 30 bài báo khoa học, trong đó

+ 05 bài báo khoa học (TT 1, 23, 25, 27, 30) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, ESCI, Scopus) mà ứng viên là **tác giả chính** sau tiến sĩ.

1. Bài số 1: Ngô Thi Thanh Truc, Zenaida M. Sumalde, Maria Victoria O. Espaldon, Enrique P. Pacardo, Corazon L. Rapera and Florencia G. Palis (2012). Farmers' Awareness and Factors Affecting Adoption of Rapid Composting in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines. *Journal of Environmental Science and Management* 15(2):59-73. ISSN 0119-1144 (WoS (SCIE), IF=0,34, Scopus, Q4, SJR2012 = 0,124, Citescor2021=0,6, H-index=12).

- 2. Bài số 23: Ngo Thi Thanh Truc, Doan Tran Oanh Bao and Do Thi Hoai Giang (2021).** Farmers' behavior and intention to adopt integrated pest management in fruit: Case study in Vietnam. *Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics*, 17(11), 755-769. **ISSN: 1815-8129 E-ISSN: 1815-1027 (Sage) (Scopus, Q4, SJR2021=0,12, Citescore2021=0,3, H-index=8, IF2021=0,117).**
- 3. Bài số 25: Ngo Thi Thanh Truc and Le Vinh Thuc (2022).** Impacts of adopting specialized agricultural programs relying on “good practice”–Empirical evidence from fruit growers in Vietnam. *Open Agriculture*, 7(1), 39-49. **ISSN, 2391-9531 (De Gruyter) (WoS (ESCI), IF=1,64, Scopus, Q2, SJR2022=0,42, Citescore2022=3,2, H-index=20).**
- 4. Bài số 27: Ngo Thi Thanh Truc and Le Vinh Thuc (2022).** Impact of saltwater intrusion on relation to fruit growing households in Ben Tre, Vietnam. *Agricultural and Resource Economics: International Scientific E-Journal*, 8(1), 133-151. **ISSN: 2414-584X (WoS (ESCI), IF = 1,03, Scopus, Q3, SJR2018=0,24, Citescore2021=1,2, H-index=15).**
- 5. Bài số 30: Ngo Thi Thanh Truc and Jan Bentzen (2023).** The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data. *Journal of Poverty*, 27(2), 153-165. **Print ISSN: 1087-5549, Online ISSN: 1540-7608 (Taylor & Francis) (WoS (ESCI), IF=1,71, Scopus, Q2, SJR2022= 0,38, H-index=27).**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thư ký điều chỉnh CTĐT	QĐ số 4946/QĐ-ĐHCT 30/10/2013	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/4/2014 (Khóa 40)	Minh chứng ở mục II, tập 2A
2	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ điều chỉnh CTĐT	QĐ số 4235/QĐ-ĐHCT, 26/09/2018	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/7/2019 (Khóa 45) QĐ số 1063/QĐ-ĐHCT	

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
					ngày 29/05/2020 (Từ Khóa 46)	
3	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ điều chỉnh CTĐT	QĐ số 4788/QĐ-ĐHCT, 19/01/2021	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3334/QĐ-ĐHCT, 24/8/2022 (Khóa 48)	
4	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên từ khóa 48	Tổ phó tổ điều chỉnh CTĐT	QĐ số 800/QĐ-ĐHCT, 02/03/2023	Trường Đại học Cần Thơ		
5	Dự án Nâng cấp trường Đại học Cần Thơ	Thành viên	QĐ số 4201/QĐ-ĐHCT, 13/01/2013	Trường Đại học Cần Thơ	Thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học E10 và E11	Minh chứng ở mục VI, tập 1

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được cấp bằng tiến sĩ/bổ nhiệm PGS

- Thời gian được cấp bằng tiến sĩ: đủ

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy: đủ

- Hướng dẫn chính HVCH: đủ

c) Nghiên cứu khoa học

- Chủ trì nhiệm vụ KHCN: đủ

- Công trình khoa học là tác giả chính: đủ

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Ngô Thị Thanh Trúc